**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN**
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh T**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2019
V/v : Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

2. Ông Phan Văn Thiện

*T ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2019/TLST-HN ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khu vực Tân Q, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th.

*Bị đơn*: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Khu vực Tân Q, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn là chị Phạm Thị Cẩm N trình bày*:

Chị N và anh Đ là vợ chồng, xây dựng hôn nhân vào năm 2010. Cuộc hôn nhân do tự nguyện yêu thương, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường L, quận Ô M theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống chị và anh Đ có 01 con chung là Lê Anh T, sinh ngày: 02/7/2014. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh chị thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, do anh Lê Văn Đ thiếu quan tâm gia đình vợ con, chị N có khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay

đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị N đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay.

Nay chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh T, sinh ngày 02/7/2014 cho đến khi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là Lê Văn Đ trình bày*:

Anh Đ thống nhất với chị N về quá trình kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Việc chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ thì anh Đ đã biết thông qua thông báo thụ lý của Tòa án và có ý kiến cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ không đồng ý ly hôn với chị N, do anh Đ mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh T, sinh ngày 02/7/2014 đến khi trưởng thành. Không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật. Giữa anh Đ và chị N không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến trương thành. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Đ Không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu chị N muốn ly hôn thì N phải giao cháu T cho cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị N không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Chị N và anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th vào ngày 20 tháng 12 năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận nên khi chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn sẽ do Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Anh Đ và chị N Tòng trú tại phường Trường L, quận Ô M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô M.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh Đ có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu Nhuẫn. Theo nguyên đơn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu phát sinh do anh Đ hay cờ bạc, nhậu nhẹt, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả, ngược lại mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay, cả hai đã không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

[3] Về phía bị đơn cho rằng anh có đá gà và đi nhậu nhưng không nhiều, theo anh thì vợ chồng nào trong quá trình chung sống mà không có mâu thuẫn vì vậy nếu chị N muốn ly hôn thì phải giao cháu T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng anh mới đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải thật sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình cảm, yêu thương quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị N cương quyết ly hôn do không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh Đ vì anh Đ không chăm lo làm ăn, không chăm lo vợ con và hay cờ bạc, nhậu nhẹt. Chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị N và anh Đ không đạt được, chị N và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Nay mỗi người đều tự chăm lo cuộc sống riêng của mình không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử cho rằng yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Khi ly hôn nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T cho đến khi trưởng thành. Anh Đ cho rằng anh có điều kiện chị N để nuôi cháu T như: Thu nhập của anh hiện nay mỗi tháng khoảng 8.000.000đồng, thu nhập cao hơn chị N. Hiện anh đang sống chung với cha mẹ ruột, sau này cha mẹ anh có trăm tuổi già thì tài sản sẽ thuộc về cháu T, anh có điều kiện đưa rước cháu T đi học do anh đi làm muộn hơn chị N.

Chị N cho rằng mặc dù thu nhập trung bình của chị khoảng 5.000.000đồng/tháng, thấp hơn thu nhập của anh Đ, Tuy nhiên chị có điều kiện chăm sóc cháu T tốt hơn anh Đ như: Cháu T là nữ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, từ khi chị và anh Đ sống ly thân cho đến nay cháu T do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T đi học gần nhà( Hiện chị đang sống chung nhà với cha mẹ ruột), cháu T muốn sống với chị vì mỗi lần đưa cháu về nhà ông bà nội cháu T khóc và không chịu về.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông bà nội để lại tài sản sau này khi ông bà có trăm tuổi già không phải là điều kiện để được trực tiếp nuôi con, không phải việc vợ hoặc chồng có thu nhập cao là giao con trực tiếp cho người đó nuôi dưỡng mà phải xem xét toàn diện điều kiện nuôi con để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu T sau này. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T là nữ, tuổi còn nhỏ rất cần sự chăm sóc từ người mẹ, cháu T đang học gần nơi ở của chị N, để không làm anh hưởng đến môi trường sống và phát triển bình thường của cháu T nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị N không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Cẩm N được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 02/7/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Không buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 005864 ngày 10/01/2019 thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo, để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND quận Ô Môn;*
*- TÀND TP. Cần Thơ;*
*- UBND phường Trường Lạc;*
*- CC THADS quận Ô Môn;*
*- Lưu hồ sơ vụ án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thanh Quốc**